

Phụ lục 1
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đắk Kôi)

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao (trước sáp nhập)	Tổng số công chức hiện có	Trong đó				Chia theo ngạch công chức				Trình độ học vấn						Học hàm		Trình độ lý luận chính trị				Tin học			Ngoại ngữ					Tiếng dân tộc		Chia theo độ tuổi						
				Đảng viên	Nữ	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Giáo sư	Phó giáo sư	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Chứng chỉ	Tiếng Anh			Ngoại ngữ khác		Chứng chỉ tiếng dân tộc	Sử dụng giao tiếp được	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60
																														Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLN NVN	Chứng chỉ khác	Đại học trở lên	Chứng chỉ khác						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
1	HĐND-UBND xã Đắk Kôi		40	37	8	13	1	0	0	38	1	1	0	4	35	1	0	0	0	0	0	0	12	22	3	3	0	0	40	0	0	33	0	0	26	9	3	18	19	0
2	Ban Chỉ huy Quân sự xã Đắk Kôi		2	2	0	1	0	0	0	1	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	1	0	1	2	0	0	2	0	0

Đối với cấp xã: Không thống kê cột (1) biên chế được giao trước sáp nhập

Trên 60 tuổi	Ghi chú
40	41
0	
0	

Phụ lục 2

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC THUỘC UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đắk Kôi)

Thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số người hiện có mặt	Trong đó				Lĩnh vực				Chức danh nghề nghiệp				Học hàm		Trình độ đào tạo																				Chia theo tuổi									
			Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Giáo dục	Khoa học công nghệ	Khoa học xã hội	Văn hóa, thể thao và du lịch	Lĩnh vực khác	Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương	Hạng IV và tương đương	Giáo sư	Phó Giáo sư	Chuyên môn								Chính trị				Tin học			Ngoại ngữ				Tiếng dân tộc		Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60				
																		Tiến sĩ	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Khác	Chứng chỉ khác					Đại học trở lên	Chứng chỉ	Chứng chỉ tiếng dân tộc	Sử dụng giao tiếp được
																																			Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLNN VN										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	41	42	43	44	45	
*	ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH (Đơn vị do ngân sách nhà nước cấp)																																													
1	Trường Tiểu học Đắk Kôi	27	16	10	13	5	26				1		7		1							27							3	4	20				27		6	13		1	15	15	9	9	8	1
2	Trường PTDTBT-THCS Đắk Kôi	21	8	13	2	1	19				2		12	8	1							18	2	1					3	8					18		2	9			8		1	9	9	2
3	Trường Mầm non Đắk Kôi	21	21	13	7	3	20				1		3	16	1							17	3		1				3	16				21			17			19	3	6	9	6		
4	Trường Tiểu học Đắk Tô Lung	25	21	11	10	3	24	0	0	0	1	0	7	16	1	0	0	0	0	0	0	24	0	1	0	0	0	0	0	2	6	17	0	0	22	2	0	9	0	0	16	0	4	8	10	3
5	Trường PTDTBT-THCS Đắk Tô Lung	19	13	11	0	0	17				2		11	6	2							17	1	1					1	13	5		1	18	1		6			11		2	10	6	1	
6	Trường Mầm non Đắk Tô Lung	21	21	12	11	4	19	0	0	0	2	0	1	18	2	0	0	0	0	0	0	17	4	0	0	0	0	0	0	2	6	13	0	1	19	0	4	11	0	0	17		2	13	4	2
	TỔNG	134	100	70	43	16	125	0	0	0	9	0	41	64	8	0	0	0	0	0	0	120	10	3	1	0	0	0	14	53	55	0	2	125	3	12	65	0	1	86	18	24	58	43	9	

Trên 60 tuổi
47
0
0
0

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đắk Kôi)

TT	Tên đơn vị	Tổng số người hiện có mặt	Trong đó																Học hàm																										Chia theo độ tuổi						
			Đảng viên	Nữ	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Chuyên ngành y								Chuyên ngành dược				Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương	Hạng IV và tương đương	Giáo sư	Phó Giáo sư	Chuyên môn								Chính trị						Tin học		Ngoại ngữ				Tiếng dân tộc			Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60
							Bác sĩ sau đại học	Bác sĩ	Y tế cộng đồng	Y sĩ	Điều dưỡng	Kỹ thuật y	Hộ sinh	Trình độ khác	Dược sĩ sau đại học	Dược sĩ đại học	Dược sĩ (cao đẳng + trung cấp)	Trình độ khác							Tiền sĩ	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cần lại	Đại học	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cần lại	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Chứng chỉ	Tiếng anh		Khác		Tổng số	Sử dụng giao tiếp được	Có chứng chỉ				
																																									Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLNN VN	Chứng chỉ (A, B, C)	Đại học trở lên							
*	ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH (Đơn vị do ngân sách nhà nước cấp)																																																		
1	Trạm y tế Đăk Tô Lung	7	5	6	2	1	0	1	0	2	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0	0	7	0	0	4	4	4	0	3	3	1				
2	Trạm y tế Đăk Đăk Kôi	7	3	4	0	0		1		1	2		2			1																			7			7			6	1	6								
	TỔNG	14	8	10	2	1	0	2	0	3	4	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0	0	14	0	0	4	4	10	1	9	3	1			

Trẻ n 60 tuổi
0
0

